Bơm chìm thoát nước

PD-300E(A)

Đường đặc tính bơm

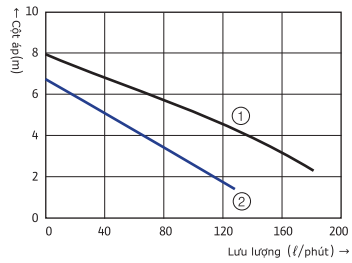

① PD-300E(A) ② PD-180E(A)

PD-751E(EA)

Đường đặc tính bơm

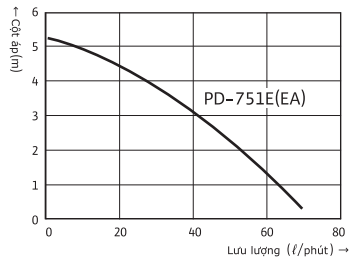

PD-A401E(EA)/A751E(EA)/751Q

Đường đặc tính bơm

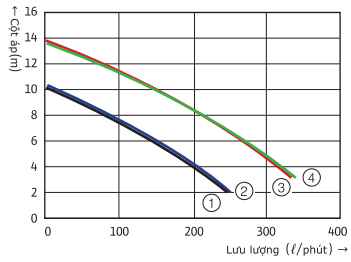

① PD-A401E(EA) ② PD-A401Q
③ PD-A751E(EA) ④ PD-A751Q

PD-S300E(EA)/S550E(EA)

Đường đặc tính bơm

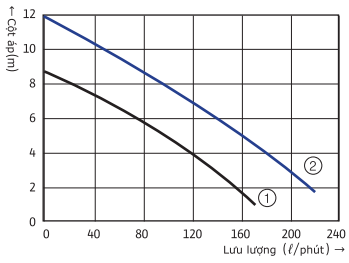

① PD-S300E(A) ② PD-S550E(A)

PD-180E(A), PD-300E(A) Máy bơm thoát nước (chìm, kiểu xoắn ốc)

Đặc điểm

- Thân máy và bánh công tác: nhựa kỹ thuật
- Trục chính: STS316L
- Trọng lượng nhẹ
- Dễ di chuyển với quai cầm
- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng dòng máy EA)

Ứng dụng

- Dùng để thoát nước sạch

PD-751E/EA Máy bơm thoát nước (chìm, kiểu xoắn ốc)

Đặc điểm

- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng dòng máy EA)

Ứng dụng

- Ứng dụng trong thoát nước

PD-A401E/EA/Q, PD-A75E/EA/Q Máy bơm thoát nước (chìm, kiểu xoắn ốc)

Đặc điểm

- Vật liệu thủy lực chống rỉ sét
- Dễ di chuyển với quai cầm
- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng dòng máy EA)

Ứng dụng

- Ứng dụng trong xả nước sạch, hồ nước phun

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy	Nguồn điện (V/Hz)	Công suất p1	(kW) p2	Cột áp tối đa (m)	Lưu lượng tối đa (m³/giờ)
PD-180E	220/50	0.27	0.18	6	7.2
PD-180EA	220/50	0.27	0.18	6	7.2
PD-300E	220/50	0.38	0.30	7.5	9.6
PD-300EA	220/50	0.38	0.30	7.5	9.6
PD-751E	220/50	0.90	0.75	10.0	18.0
PD-751EA	220/50	1.00	0.75	10.0	18.0
PD-A401E	220/50	0.50	0.40	10.0	13.5
PD-A401EA	220/50	0.50	0.40	10.0	13.5
PD-A401H	3Ø, 220/50	0.55	0.40	10.0	13.5
PD-A401Q	3Ø, 400/50	0.55	0.40	10.0	13.8
PD-A751E	220/50	1.00	0.75	14.0	18.0
PD-A751H	3Ø, 220/50	1.00	0.75	14.0	18.0
PD-A751Q	3Ø, 400/50	1.00	0.75	14.0	18.0

Dòng PD-S Máy bơm chìm thoát nước sạch (thép không rỉ, kiểu xoắn ốc)

Đặc điểm

- Vật liệu thép không rỉ
- Xả theo chiều thẳng đứng, tiết kiệm diện tích lắp đặt
- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng cho dòng máy EA)
- Chứng nhận CE

Ứng dụng

- Xả nước sạch

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy	Nguồn điện (V/Hz)	Công suất p1	(kW) p2	Cột áp tối đa (m)	Lưu lượng tối đa (m³/giờ)
PD-S300E	220/50	0.55	0.30	8.5	11.0
PD-S550E	220/50	0.90	0.60	11.6	13.0
PD-S300EA	220/50	0.55	0.30	8	10.8
PD-S550EA	220/50	0.90	0.60	11	12.6

Ghi chú: đường đặc tính và thông số bơm trên Catalogue mang tính định tính.

Bơm chìm nước thải

PDV-S600E(A)/S750E(A)

Đường đặc tính bơm

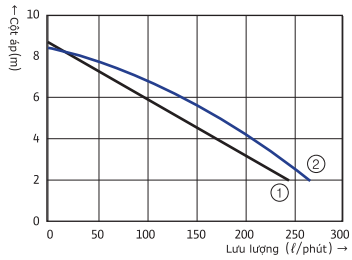

① PDV-A400 Series/ PDV-S400 Series
② PDV-S600 Series

Dòng máy PDV-S

Kiểu xoắn ốc

Đặc điểm

- Thân bơm làm bằng gang (các bộ phận thủy lực làm bằng vật liệu chống rỉ sét)
- Xả nước theo chiều thẳng đứng, tiết kiệm diện tích lắp đặt
- Bảo vệ quá nhiệt mô tơ (khởi động lại sau khi mô tơ nguội)
- Bánh công tác kiểu xoắn ốc
- Đường kính hạt đi qua: 40mm
- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng dòng máy EA)
- Chứng nhận CE (ngoại trừ dòng máy 600E, 750E)

Ứng dụng

- Nước thải

PDV-A400E(A)/A750E(A)

Đường đặc tính bơm

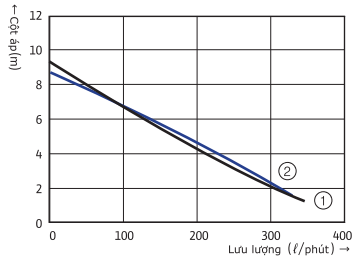

① PDV-A750 Series/ PDV-S750 Series
② PDV-750 Series

Dòng máy PDV-A

Kiểu xoắn ốc

Đặc điểm

- Bánh công tác kiểu xoắn ốc
- Tự vận hành bằng công tắc phao (chỉ áp dụng dòng máy EA)
- Làm bằng vật liệu chống rỉ sét

Ứng dụng

- Nước thải

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy	Nguồn điện (V/Hz)	Công suất (kW) p1	p2	Cột áp tối đa (m)	Lưu lượng tối đa (m^3/giờ)
PDV-A400EA	220/50	0.50	0.40	8	13.8
PDV-S400EA	220/50	0.50	0.40	7.0	14.0
PDV-S600EA	220/50	0.83	0.60	8.0	17.0
PDV-750EA	220/50	1.00	0.75	8.0	18.6
PDV-S750EA	220/50	1.00	0.75	10.0	19.0
PDV-A400E	220/50	0.50	0.40	8	13.8
PDV-S400E	220/50	0.50	0.40	8	13.8
PDV-S600E	220/50	0.83	0.60	8.0	16.8
PDV-S600Q	3Ø, 400/50	0.78	0.60	8.0	16.8
PDV-750E	220/50	1.00	0.75	8.0	18.6
PDV-A750E	220/50	1.00	0.75	10.0	13.2
PDV-S750E	220/50	1.00	0.75	10.0	18.6
PDV-S750Q	3Ø, 400/50	0.92	0.75	10.0	18.6

PDV-750E(A)

Dòng máy PDN

Kiểu máy không tắc nghẽn 1.5 ~ 7.5kW

Ứng dụng

- Thoát nước nhà máy và tầng hầm tòa nhà
- Số cực: 2 hoặc 4
- Dẫn nước thô từ sông ngòi hoặc ao hồ
- Mục đích xả nước chung

PDN-1500 Series

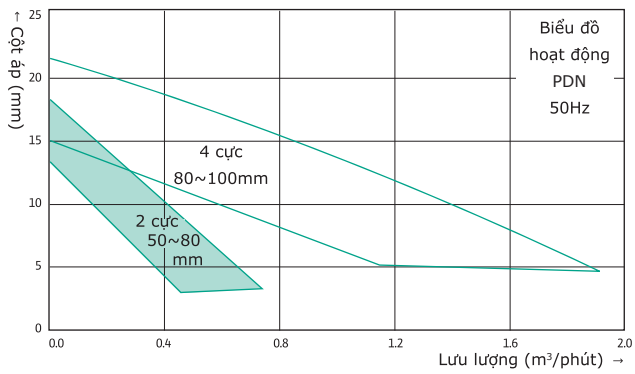

Ghi chú: đường đặc tính và thông số bơm trên Catalogue mang tính định tính.

Bơm chìm nước thải

Dòng PDG

Dòng máy PDG — Kiểu máy không tắc nghẽn 1.5 ~ 7.5kW

Đặc điểm

- Mặt bích: 150 ~ 500mm
- Số cực: 4, 6, 8
- Công suất P2: 11 ~ 75kW
- Đường kính hạt đi qua: 100mm (tùy theo kiểu máy)
- Nhiệt độ vận hành: 0 ~ 40oC
- Cấp cách điện: B (hoặc F)
- Phớt cơ học kép
- Cáp: 10m (hoặc dài hơn)
- Xích: 3m (hoặc dài hơn)

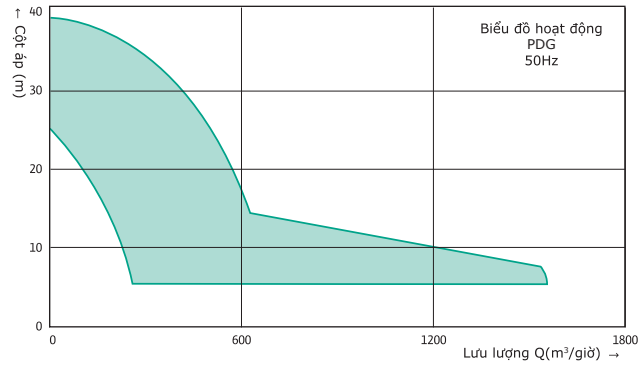

Dòng PDU

Dòng máy PDU — Máy bơm thi công hạng nhẹ 3.7 ~ 15kW

Ứng dụng

- Máy bơm chìm PDU phù hợp trong việc xả nước tại công trường xây dựng chung.
  - Thoát nước thải tại công trường xây dựng
  - Thoát nước đường hầm, khu tàu điện ngầm, công trình xây dựng
  - Mục đích xả nước chung

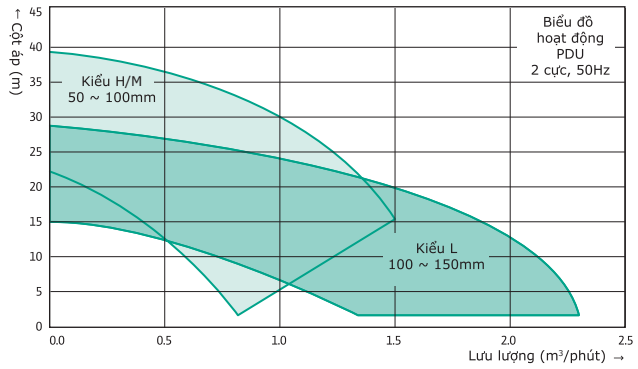

Bơm trung chuyển nước thải

DLV-270MA

Đường đặc tính bơm

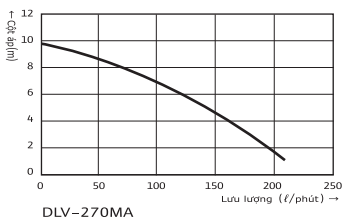

DLV-270MA

DLV-270MA (50Hz) — Bơm thoát nước thải gia đình

Đặc điểm

- Khử mùi tốt: đệm kín bằng vòng đệm silicon
- Cấu tạo đơn giản: giúp tận dụng diện tích lắp đặt
- Dễ bảo dưỡng: sử dụng máy bơm xoắn ốc (dẫn cặn bẩn tốt)
- Vệ sinh nhà bếp và trang thiết bị tầng hầm

Ứng dụng

- Tiêu nước trong tầng hầm
- Xử lý nước thải trong gia đình
- Xả nước từ chậu rửa, máy giặt, chậu tiểu

Thông số kỹ thuật

Kiểu máy	Nguồn điện	Công suất (W)	Cột áp (m)	Lưu lượng tối đa (L/phút)	Đường kính cửa xả (mm/inch)	Dung tích vận hành (L)
DLV-270MA	1 Pha 220V 60Hz	300	9	200	32(11/4)	23

Ghi chú: đường đặc tính và thông số bơm trên Catalogue mang tính định tính.